TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 08/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông **Lê Minh Chính.**

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

2. Ông **Trần Văn Đức**

***Thư ký phiên toà*:** Ông **Nguyễn Công Thịnh** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà*:** Ông **Nguyễn Trọng Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

NGUYỄN NGỌC T, sinh năm: 1987, tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 6, phường P, thị xã L, Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn Minh H, sinh năm: 1963 và bà: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1965.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án - Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/9/2013 bị chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận ra Quyết định số: 2111/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng. Ngày 06/9/2015 bị cáo chấp hành xong thời hạn đưa vào cơ sở giáo dục theo Giấy chứng nhận số: 360/GCN-PH (HS) của Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc Phú Hòa.

Bị cáo bị bắt ngày **13/11/2017**, hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại*: **Trần Quốc A**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Hồ Minh T, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: Khu phố 1, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Khu phố 03, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 13/11/2017, tại nhà anh Trần Quốc A thuộc khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận bị cáo Nguyễn Ngọc T đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô hiệu Lead biển số 86B6-027.40. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe chạy qua cầu Đá Dựng, kiểm tra trong cốp xe thì thấy có 300.000 đồng, bị cáo T lấy số tiền này để mua ma túy sử dụng. Sau đó, bị cáo chở bạn gái là Nguyễn Thị Thu T ra P chơi và tìm nơi tiêu thụ xe thì bị Công an kiểm tra bắt giữ.

Theo Kết luận định giá tài sản số: **114**/KL-ĐGTS ngày 20/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L xác định giá trị còn lại của 01 xe mô tô hiệu Lead màu nâu, biển số 86B6 - 027.40 là **21.000.000 đồng**.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Ngọc T đã chiếm đoạt là **21.300.000 đồng.**

Về vật chứng vụ án: Tài sản bị chiếm đoạt đã được Cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho người bị hại. Đối với số tiền 300.000 đồng bị cáo Tuấn đã sử dụng nên không thu hồi được.

Giao cho bà Nguyễn Thị M là mẹ của bị cáo T quản lý 01 điện thoại di động hiệu GIONEE màu đen viền đỏ, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc T. Đối với điện thoại di động OPPO màu vàng đồng trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T.

Về dân sự: Bị hại, người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 13/QĐ-VKS ngày 24/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T, về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng VKSND thị xã L truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T, mức án từ: 12 đến 18 tháng tù giam.

- *Về biện pháp tư pháp:* Không áp dụng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T, nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại Trần Quốc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Minh T, Nguyễn Thị Thu T vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra; căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung*: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận: Lợi dụng đêm khuya bị cáo đi lòng vòng, quan sát nếu thấy nhà nào để tài sản sơ hở, không có người trông coi, thì lén lút lấy trộm tài sản, cụ thể:

Vào khoảng 03 giờ ngày 13/11/2017, tại nhà anh Trần Quốc A thuộc khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận bị cáo T đã lén lút dắt chiếc xe mô tô hiệu Lead biển số 86B6-027.40 (*Có sẵn chìa khóa trên ổ khóa điện*) trị giá **21.000.000 đồng** ra ngoài khởi động máy rồi điều khiển xe chạy về cầu Đá Dựng, bị cáo T kiểm tra cốp xe thì thấy có 300.000 đồng, số tiền này bị cáo mua ma túy sử dụng. Sau đó, bị cáo T rủ bạn gái tên Nguyễn Thị Thu T đi P chơi và tìm nơi tiêu thụ xe. Tại P, bị cáo và T đến ngủ nhờ tại phòng trọ của bạn tên Nguyễn Ngọc T thì bị Công an kiểm tra bắt giữ.

Xét, lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, để nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng với bản tính tham lam, chây lười lao động, nên bị cáo đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của người khác, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nhằm mục đích tư lợi cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, tạo tâm lý mất an toàn trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, để giữ gìn kỷ cương pháp luật, bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không có

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Tài sản đã được thu hồi để trả lại cho bị hại, gia đình bị cáo khó khăn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với hành vi của chị Nguyễn Thị Thu T, Hội đồng xét xử xét thấy chị Thảo không biết xe mô tô 86B6-027.40 là do T trộm cắp nên không cấu thành tội: "Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Trong quá trình điều tra đã thu hồi và trả lại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại đã nhận lại tài sản. Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, người bị hại không yêu cầu bị cáo T bồi thường thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 300.000 đồng người bị hại anh Trần Quốc A không yêu cầu bị cáo Tuấn hoàn trả. Nên đây là tiền do phạm tội mà có, cần buộc bị cáo T phải nộp lại sung vào ngân sách.

[8] *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*** Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

*** Xử phạt**: Bị cáo Nguyễn Ngọc T **15 (Mười lăm) tháng** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **13/11/2017.**

*** Áp dụng:** Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp lại số tiền 300.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng: Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với Người bị hại; Những người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PC81 – Công an tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Công an thị xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi BC cư trú;
- Lưu HS – Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Minh Chính